TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG** Số:**268**/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Thành phố M, ngày 09 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 700/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa:

- **Lê Thị Q**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 1/40, ấp H, xã TA, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chổ ở: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- **Trần Trung H,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 1/40, ấp H, xã TA, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 700/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Lê Thị Q**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 1/40, ấp H, xã TA, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chổ ở: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- **Trần Trung H,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 1/40, ấp H, xã TA, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Chí V, sinh ngày 22/4/2011. Chị Q và anh H thống nhất giao cháu Trần Chí V cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Q tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình. Chị Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013259 ngày 15/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố M, nên được hoàn lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TiềnGiang;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp M;
- Chị cục THADS Tp M;
- UBND xã TA, Tp M;
- Các đương sự.
  + Lê Thị Q;
  + Trần Trung H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ánh Phương